

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 423/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 6 - 2025

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Quang Lý
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Thành Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 759/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 552/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 809/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Chí T, sinh năm 1968;

Số CCCD: 079068007235; ngày cấp: 08/5/2021; nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Số A đường V, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Bà Dương Thị Kiều V, sinh năm 1979;

Số CCCD: 075179000438; ngày cấp: 09/6/2023; nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Số A đường V, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T, bà V cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – ông Trần Chí T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Chí T và bà Dương Thị Kiều V tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01/2014 ngày 16/01/2014.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng và không tìm được cách giải quyết nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 05 năm nay. Nay ông Trần Chí T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với bà Dương Thị Kiều V.

- Về quan hệ con chung: Ông Trần Chí T khai ông và bà Dương Thị Kiều V có 01 con chung tên Trần Thiên Ân, sinh ngày 29/10/2015, hiện nay con chung đang ở với bà Dương Thị Kiều V. Khi ly hôn, ông Trần Chí T đồng ý giao con chung cho bà Dương Thị Kiều V trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Chí T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Trần Chí T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trần Chí T khai không có.

Bị đơn- bà Dương Thị Kiều V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Kiều V xác nhận quá trình kết hôn như ông Trần Chí T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông Trần Chí T không có tình cảm, không yêu thương vợ con, không có trách nhiệm với gia đình nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không tìm được cách giải quyết nên vợ chồng đã sống ly thân hơn 05 năm nay. Nay ông Trần Chí T yêu cầu ly hôn thì bà Dương Thị Kiều V không đồng ý lý do bà Dương Thị Kiều V là người công giáo nên không được phép ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Dương Thị Kiều V khai bà và ông Trần Chí T có 01 con chung tên Trần Thiên Ân, sinh ngày 29/10/2015, hiện nay đang ở với bà Dương Thị Kiều V. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì bà Dương Thị Kiều V yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông Trần Chí T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Dương Thị Kiều V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Dương Thị Kiều V khai không có.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên hòa giải để các đương sự giải quyết vụ án nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01/2014 ngày 16/1/2014 cấp tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông Trần Chí T và bà Dương Thị Kiều V là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Ông Trần Chí T và bà Dương Thị Kiều V cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Chí T xác nhận mâu thuẫn hôn nhân là do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Bà Dương Thị Kiều V xác nhận mâu thuẫn hôn nhân là do ông Trần Chí T không có tình cảm, không yêu thương vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Ông Trần Chí T và bà Dương Thị Kiều V cùng xác nhận đã sống ly thân hơn 05 năm nay nhưng bà không đồng ý ly hôn do bà V là đạo Công giáo nên không được phép ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Trần Chí T và bà Dương Thị Kiều V là có thật và đã thực sự trầm trọng, không còn cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Chí T, ông Trần Chí T được ly hôn bà Dương Thị Kiều V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: Bà Dương Thị Kiều V yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Trần Thiên Ân, sinh ngày 29/10/2015 và ông Trần Chí T cũng đồng ý giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận về con chung của các bên, phù hợp với theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà Dương Thị Kiều V không yêu cầu ông Trần Chí T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông Trần Chí T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông Trần Chí T. Ông Trần Chí T thực hiện cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7/2025 cho đến khi con chung trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Trần Chí T và bà Dương Thị Kiều V cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Trần Chí T và bà Dương Thị Kiều V cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Chí T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí mà ông Trần Chí T đã nộp. Ông Trần Chí T còn phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Nội dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Chí T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Chí T được ly hôn bà Dương Thị Kiều V.

Quan hệ hôn nhân của ông Trần Chí T và bà Dương Thị Kiều V theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyền số 01/2014 ngày 16/1/2014 cấp tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trần Thiên Ân, sinh ngày 29/10/2015 cho bà Dương Thị Kiều V trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Chí T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7/2025 cho đến khi con chung trưởng thành.

+ Ông Trần Chí T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Trần Chí T và bà Dương Thị Kiều V không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trần Chí T và bà Dương Thị Kiều V cùng khai không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Chí T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Trần Chí T đã nộp theo Biên lai thu số: 0040370 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Chí T còn phải chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

3. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Trần Chí T, bà Dương Thị Kiều V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết Nhung